

8.1.2 . Kế toán các khoản tiền vay

Để đáp ứng nhu cầu vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải vay vốn ở ngân hàng hoặc vay các đối tượng khác. Khi vay vốn doanh nghiệp phải có vật tư đảm bảo hoặc tài sản thế chấp, phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi theo đúng kỳ hạn đã ký trong hợp đồng vay vốn.

Kế toán nguồn vốn vay đòi hỏi phải theo dõi chi tiết theo từng hình thức vay, từng đối tượng, từng khoản vay và thời hạn vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ, ngoài việc theo dõi theo nguyên tệ, kế toán phải quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá do ngân hàng ngoại thương công bố tại thời điểm ghi nhận nợ. Còn nếu vay bằng vàng, bạc, đá quý phải theo dõi chi tiết theo số lượng và giá trị của từng lần vay và theo từng chủ nợ. Khi kết thúc niên độ kế toán số dư nợ vay bằng ngoại tệ, vàng bạc, đá quý... phải được điều chỉnh theo tỷ giá thực tế của nguồn vốn vay. Số chênh lệch được ghi chép phản ánh vào tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá.

Căn cứ vào thời hạn vay người ta phân thành vay ngắn hạn và vay dài hạn. Vay ngắn hạn là khoản vay có thời hạn trả trong vòng một năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh bình thường. Vay dài hạn là khoản vay có thời hạn trả sau một năm hoặc sau một chu kỳ kinh doanh bình thường.

8.1.2.1. Kế toán vay ngắn hạn.

a. Nội dung - Tài khoản sử dụng:

Vay ngắn hạn là những khoản vay nhằm mục đích chủ yếu đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động: Mua hàng hoá, vật tư, trang trải các khoản chi phí...

Để phản ánh các khoản vay ngắn hạn và tình hình thanh toán tiền vay kế toán phản ánh vào tài khoản 311 - Vay ngắn hạn. Nội dung ghi chép của tài khoản 311 - Vay ngắn hạn như sau:

Bên Nợ:

- Phản ánh số tiền đã trả về các khoản vay ngắn hạn
- Số tiền nợ vay ngắn hạn giảm do tỷ giá ngoại tệ giảm

Bên Có:

- Phản ánh số tiền vay ngắn hạn tăng trong kỳ
- Số tiền nợ vay ngắn hạn tăng do tỷ giá ngoại tệ tăng

Số dư bên Có:

- Phản ánh số nợ vay ngắn hạn chưa trả.

Để phản ánh tình hình thanh toán lãi tiền vay kế toán phản ánh vào tài khoản TK 635 - Chi phí tài chính. Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản khác có liên quan: TK 111, 112, 151, 152...

b. Trình tự kế toán các khoản vay ngắn hạn bằng tiền Việt Nam:

- Khi doanh nghiệp vay ngắn hạn để mua hàng hoá vật tư, ghi:
 - Vật tư, hàng hoá dùng vào SXKD thuộc đối tượng được khấu trừ thuế, ghi:
Nợ TK 152, 153, 156, ...
Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
Có TK 311 - Vay ngắn hạn
 - + Trường hợp vay mua vật tư, hàng hoá dùng vào SXKD thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không chịu thuế GTGT, kế toán ghi:
Nợ TK 152, 153, 156, ...
Có TK 311 - Vay ngắn hạn
- Vay trả nợ người bán, hoặc vay trả nợ vay dài hạn đến hạn trả, nộp thuế cho Ngân sách:

Bên Có:

- Phản ánh số tiền vay ngắn hạn tăng trong kỳ
- Số tiền nợ vay ngắn hạn tăng do tỷ giá ngoại tệ tăng

Số dư bên Có:

- Phản ánh số nợ vay ngắn hạn chưa trả.

Để phản ánh tình hình thanh toán lãi tiền vay kế toán phản ánh vào tài khoản TK 635 - Chi phí tài chính. Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản khác có liên quan: TK 111, 112, 151, 152...

b. Trình tự kế toán các khoản vay ngắn hạn bằng tiền Việt Nam:

- Khi doanh nghiệp vay ngắn hạn để mua hàng hoá vật tư, ghi:
 - Vật tư, hàng hoá dùng vào SXKD thuộc đối tượng được khấu trừ thuế, ghi:
Nợ TK 152, 153, 156, ...
Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
Có TK 311 - Vay ngắn hạn
 - + Trường hợp vay mua vật tư, hàng hoá dùng vào SXKD thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không chịu thuế GTGT, kế toán ghi:
Nợ TK 152, 153, 156, ...
Có TK 311 - Vay ngắn hạn
- Vay trả nợ người bán, hoặc vay trả nợ vay dài hạn đến hạn trả, nộp thuế cho Ngân sách:
Nợ TK 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả
Nợ TK 331 - Phải trả người bán
Nợ TK 333 - Thuế và các khoản nộp NN
Có TK 311 - Vay ngắn hạn
- Khi doanh nghiệp vay ngắn hạn để nhập quỹ tiền mặt, hoặc chuyển vào tài khoản tiền gửi Ngân hàng, căn cứ vào các chứng từ ghi:
Nợ TK 111, 112
Có TK 311 - Vay ngắn hạn
- Khi thanh toán các khoản vay ngắn hạn bằng tiền Việt Nam, kế toán ghi:
Nợ TK 311 - Vay Ngắn hạn
Có TK 111, 112
- Khi vay ngắn hạn thanh toán các khoản vay ngắn hạn đã đến hạn trả, ghi:
Nợ TK 311 - Vay Ngắn hạn
Có TK 311 - Vay Ngắn hạn
- Số lãi tiền vay phải trả, hoặc đã trả, kế toán ghi:
Nợ TK 635 - Chi phí đi vay không được vốn hoá
Nợ TK 627, 2412 - Chi phí đi vay được vốn hoá
Nợ TK 811 - Lãi vay quá hạn
Có TK 111, 112 : Thanh toán chi phí đi vay
Có TK 335: Chi phí đi vay chưa thanh toán

c. Trình tự kế toán các khoản vay ngắn hạn bằng ngoại tệ:

- Khi doanh nghiệp vay ngắn hạn để mua hàng hoá vật tư, căn cứ vào các chứng từ ghi:
 - Trường hợp vay mua vật tư, hàng hoá dùng vào SXKD thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, kế toán ghi:
Nợ TK 152, 153, 156
Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
Có TK 311 - Vay ngắn hạn
 - Trường hợp vay mua vật tư, hàng hoá dùng vào SXKD thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không chịu thuế GTGT, kế toán ghi:
Nợ TK 152, 153, 156, ...
Có TK 311 - Vay ngắn hạn
- Vay ngoại tệ để thanh toán các khoản nợ phải trả, căn cứ vào chứng từ vay, kế toán ghi:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả, ghi:
Nợ TK 331, 336, 341, 342,... (Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán)
Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)
Có các TK 311 (Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch).
- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả, ghi:
Nợ TK 331, 336, 341, 342,... (Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán)
Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)
Có TK 311 (Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch).
- Vay ngoại tệ để nhập quỹ tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản tiền gửi, hoặc ký quỹ mở thư tín dụng, căn cứ vào chứng từ vay, kế toán ghi:
Nợ TK 111- Tiền mặt (1112)
Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng(1122)
Nợ TK 144 - Cầm cố, KQ, KC ngắn hạn
Có TK 311 - Vay ngắn hạn
- Trả nợ tiền vay ngắn hạn bằng ngoại tệ, kế toán ghi:
 - Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả, ghi:
Nợ TK 311 (Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán)
Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)
Có TK 111 (1112), 112 (1122) (Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán).
 - Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả, ghi:
Nợ TK 311 (Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán)
Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)
Có TK 111 (1112), 112 (1122) (Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán).
- Cuối niên độ kế toán, doanh nghiệp phải điều chỉnh số dư nợ vay bằng ngoại tệ về theo tỷ giá thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch giữa tỷ giá thực tế trong kỳ và tỷ giá thực tế cuối niên độ, kế toán phản ánh vào TK 413.
 - Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:
Nợ TK 311
Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132).
 - Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:
Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132)
Có TK 311

8.1.2.2. Kế toán nợ dài hạn đến hạn trả:

a. Nội dung - Tài khoản sử dụng:

Nợ dài hạn đến hạn trả là các khoản vay dài hạn, nợ dài hạn sẽ phải trả cho chủ nợ trong năm tài chính hiện hành.

Hạch toán tài khoản này căn cứ vào một số quy định sau:

- Cuối niên độ kế toán doanh nghiệp phải căn cứ vào kế ước vay, kế toán hạch toán các khoản nợ dài hạn, xác định số nợ dài hạn đã đến hạn phải thanh toán trong niên độ kế toán tiếp theo và chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả.
- Kế toán phải theo dõi chi tiết nợ dài hạn trả, số đã trả, số còn phải trả của nợ dài hạn đến hạn trả theo từng chủ nợ. Nợ dài hạn bằng ngoại tệ phải được theo dõi chi tiết cho từng nguyên tệ, quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán. Các khoản chênh lệch về tỷ giá thực tế (nếu có) phát sinh trong kỳ hạch toán được hạch toán vào doanh thu, hoặc chi phí hoạt động tài chính.

- Cuối niên độ kế toán, số dư các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối niên độ kế toán khi lập báo cáo tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả:

Bên Nợ:

- Số tiền đã thanh toán về nợ dài hạn đến hạn trả
- Số tiền giảm nợ vay do tỷ giá hối đoái giảm (nợ bằng ngoại tệ)

Bên Có:

- Số nợ dài hạn đến hạn trả
- Số tiền tăng nợ vay do tỷ giá hối đoái tăng (nợ bằng ngoại tệ)

Số dư bên Có:

- Số nợ còn phải trả của nợ dài hạn đến hạn hoặc quá hạn phải trả.

b. Phương pháp hạch toán:

- Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào kế ước, cam kết vay, xác định số nợ dài hạn đến hạn trả trong niên độ kế toán tiếp theo, ghi:

Nợ TK 341 - Vay dài hạn

Nợ TK 342 - Nợ dài hạn

Có TK 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả

- Trả nợ dài hạn đến hạn trả bằng tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả

Có TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

- Trả nợ dài hạn đến hạn trả bằng ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, ghi:

Nợ TK 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả

Có TK 111 - Tiền mặt (1112)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1122)

- Trả nợ dài hạn đến hạn trả bằng tiền thu hồi công nợ hoặc tiền vay mới, ghi:

Nợ TK 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả

Có TK 128 - Đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 131 - Phải thu của người bán

Có TK 138 - Phải thu khác

Có TK 311 - Vay ngắn hạn

- Khi trả nợ vay bằng tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả

Có TK 111 - Tiền mặt (1111)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1121)

- Khi trả nợ tiền vay bằng ngoại tệ phải căn cứ vào tỷ giá ghi sổ kế toán.

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 315 (Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112), 112 (1122) (Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán).

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 315 (Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112), 112 (1122) (Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán).

- Cuối niên độ kế toán, doanh nghiệp phải điều chỉnh số dư nợ vay dài hạn đến hạn trả bằng ngoại tệ về theo tỷ giá thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch giữa tỷ giá thực tế trong kỳ và tỷ giá thực tế cuối niên độ, kế toán phản ánh vào TK 413.

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 315

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132).

- *Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:*

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132)

Có TK 315